



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT  
BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ TĨNH**  
**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 31

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Hà Tĩnh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 đã được soát xét.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 28.03.000151 ngày 12/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/12/2015 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

**Vốn điều lệ:** 22.310.580.000 đồng.

**Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2020:** 22.310.580.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 58 Phan Đình Phùng, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0239.3859708
- Fax: (84) 0239.3892839
- Website: [www.hbec.com.vn](http://www.hbec.com.vn)
- Email: [gdhbec@gmail.com](mailto:gdhbec@gmail.com)

### Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 74 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                        |              |  |
|------------------------|--------------|--|
| • Ông Nguyễn Anh Vũ    | Chủ tịch     | Bổ nhiệm lại ngày 26/06/2020                           |
| • Bà Trần Thị Thu Hà   | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 26/06/2020                           |
| • Ông Đặng Thế Anh     | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 26/06/2020                               |
| • Ông Hồ Gia Bảo       | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 24/04/2019<br>Miễn nhiệm ngày 26/06/2020 |
| • Ông Nguyễn Thái Toại | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 24/04/2019<br>Miễn nhiệm ngày 26/06/2020 |
| • Ông Nguyễn Quốc Hồng | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 21/12/2019<br>Miễn nhiệm ngày 26/06/2020 |

### **Ban Kiểm soát**

- |                        |            |                              |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Yến    | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2019 |
| • Ông Hoàng Đình Khanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2019     |
| • Bà Nguyễn Thị Lan    | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2019 |

### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                          |                     |  |
|--------------------------|---------------------|--|
| • Bà Trần Thị Thu Hà     | Tổng Giám đốc       | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2019                               |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Phó Tổng Giám đốc   | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2019                               |
|                          | Kiểm Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2019                               |
| • Bà Hồ Thị Nga          | Phó Tổng Giám đốc   | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2019<br>Miễn nhiệm ngày 08/02/2020 |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 08 năm 2020



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 948/BCSX-AAC

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Hà Tĩnh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 03/08/2020 của Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>21.826.667.391</b>	<b>14.528.427.572</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.336.365.802</b>	<b>8.137.106.190</b>
1. Tiền	111		1.507.365.802	808.106.190
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.829.000.000	7.329.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.823.855.651</b>	<b>1.402.899.436</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.334.462.228	2.153.534.838
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	150.000.000	379.611
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	574.495.031	604.995.031
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	234.543.705	177.695.881
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.471.898.878)	(1.533.705.925)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.253.565	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>12.533.338.789</b>	<b>2.988.421.946</b>
1. Hàng tồn kho	141		12.797.628.335	3.367.712.918
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(264.289.546)	(379.290.972)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>133.107.149</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	74.367.700	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		58.739.449	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>15.389.216.714</b>	<b>14.826.310.168</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.722.336.774</b>	<b>13.971.288.175</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	13.007.132.774	13.256.084.175
- Nguyên giá	222		21.909.524.143	21.540.675.052
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.902.391.369)	(8.284.590.877)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	715.204.000	715.204.000
- Nguyên giá	228		747.204.000	747.204.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.000.000)	(32.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>503.614.700</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	503.614.700	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.163.265.240</b>	<b>855.021.993</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	1.163.265.240	855.021.993
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>37.215.884.105</b>	<b>29.354.737.740</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.938.121.530</b>	<b>3.785.843.672</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.938.121.530</b>	<b>3.785.843.672</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	6.948.628.797	1.033.797.112
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		26.973.031	7.940.514
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	171.382.368	515.532.521
4. Phải trả người lao động	314		364.811.100	696.026.034
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	28.426.000	198.655.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	8.181.818
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	655.576.370	356.366.809
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	3.610.000.000	840.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		132.323.864	129.343.864
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>25.277.762.575</b>	<b>25.568.894.068</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>25.277.762.575</b>	<b>25.568.894.068</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	22.310.580.000	22.310.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.310.580.000	22.310.580.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	637.870.381	637.870.381
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	2.620.443.687	722.538.246
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	(291.131.493)	1.897.905.441
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(291.131.493)	1.897.905.441
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>37.215.884.105</b>	<b>29.354.737.740</b>



Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 08 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Hồ Thị Hà



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	12.598.848.692	20.482.303.764
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	3.432.173	21.411.730
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		12.595.416.519	20.460.892.034
4. Giá vốn hàng bán	11	25	11.648.122.919	17.534.545.170
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>947.293.600</u>	<u>2.926.346.864</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	263.123.580	344.908.576
7. Chi phí tài chính	22	27	3.551.000	12.750.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.551.000	12.750.000
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	874.956.369	1.313.661.249
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	623.119.924	1.006.792.921
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>(291.210.113)</u>	<u>938.051.270</u>
11. Thu nhập khác	31		79.636	52.110.012
12. Chi phí khác	32		1.016	25.058
13. Lợi nhuận khác	40		<u>78.620</u>	<u>52.084.954</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>(291.131.493)</u>	<u>990.136.224</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	152.105.492
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>(291.131.493)</u>	<u>838.030.732</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(130)	376
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	(130)	376



**Trần Thị Thu Hà**  
Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 08 năm 2020

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Thu Hằng**

**Người lập biểu**

**Hồ Thị Hà**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(291.131.493)	990.136.224
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	12,13	617.800.492	520.504.876
- Các khoản dự phòng	03		(176.808.473)	(209.073.663)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25,28	(192.931.300)	(277.270.710)
- Chi phí lãi vay	06		3.551.000	12.750.000
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(39.519.774)	1.037.046.727
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.521.913.108)	(7.639.147.822)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	11	(9.429.915.417)	(7.050.854.125)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.829.887.553	8.328.397.914
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	14	(886.225.647)	127.931.402
- Tiền lãi vay đã trả	14	17,26	-	(32.825.778)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(454.140.695)	(304.257.139)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.980.000	16.150.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(10.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(8.498.847.088)</b>	<b>(5.528.358.821)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(368.849.091)	(374.700.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	36.363.636
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		2.030.500.000	3.075.860.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,24	266.455.791	266.447.923
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>1.928.106.700</b>	<b>3.003.971.559</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		2.770.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	-	(80.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20	-	(1.561.740.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>2.770.000.000</b>	<b>(1.641.740.600)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(3.800.740.388)</b>	<b>(4.166.127.862)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	8.137.106.190	7.786.537.611
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	5	<b>4.336.365.802</b>	<b>3.620.409.749</b>



Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 08 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Hồ Thị Hà

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số  
200/2014/TT - BTC ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 28.03.000151 ngày 12/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/12/2015 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:** Kinh doanh thương mại các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục, giáo dục mầm non.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hằng năm. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 (bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/06/2020).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

##### **Các khoản cho vay**

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	Hết khấu hao

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.9 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Chi phí phải trả của Công ty là khoản lãi vay dự trả liên quan đến các khoản vay trong kỳ kế toán.

### **4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.11 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.12 *Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác*

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.13 *Các khoản giảm trừ doanh thu*

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### 4.14 *Giá vốn hàng bán*

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.18 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Đối với hoạt động giáo dục mầm non, bán sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Đối với hoạt động bán sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất là 5%;
- ✓ Đối với hoạt động bán văn phòng phẩm và thiết bị khác: Áp dụng mức thuế suất là 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.  
Riêng thu nhập từ Dự án Trường mầm non Hoa Sen được áp dụng mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000031 ngày 10/11/2008 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020	01/01/2020
Tiền mặt	412.246.236	437.688.813
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.095.119.566	370.417.377
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	2.829.000.000	7.329.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.336.365.802</b>	<b>8.137.106.190</b>

### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2020	01/01/2020
Tâm Thông - Kỳ Anh	551.044.763	551.044.763
Công ty Cổ phần Phát hành sách Hà Tĩnh	400.551.228	450.551.228
Các đối tượng khác	4.382.866.237	1.151.938.847
<b>Cộng</b>	<b>5.334.462.228</b>	<b>2.153.534.838</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tuấn Đạt	150.000.000	-
Các đối tượng khác	-	379.611
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000</b>	<b>379.611</b>

### 8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Phải thu cá nhân vay mua cổ phiếu (gốc + lãi) (*)	574.495.031	604.995.031
<b>Cộng</b>	<b>574.495.031</b>	<b>604.995.031</b>

(\*) Là khoản cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành thêm năm 2010 theo các cam kết vay tiền ngày 30/12/2009, lãi suất vay 1%/tháng. Hiện nay, số cán bộ công nhân viên này đã nghỉ việc và Công ty không thu hồi được nợ gốc cũng như lãi đối với các khoản cho vay này. Do đó, toàn bộ khoản nợ phải thu này đã được trích lập dự phòng.

### 9. Phải thu khác ngắn hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	7.417.000	-	80.941.491	-
Tạm ứng	105.111.000	-	33.801.000	-
Phải thu khác	122.015.705	(15.486.696)	62.953.390	(15.486.696)
<b>Cộng</b>	<b>234.543.705</b>	<b>(15.486.696)</b>	<b>177.695.881</b>	<b>(15.486.696)</b>

### 10. Dự phòng phải thu khó đòi

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	1.471.898.878	1.533.705.925
- Trên 3 năm	1.319.313.946	1.353.270.946
- Trên 2 năm đến dưới 3 năm	1.071.955	7.394.700
- Trên 1 năm đến dưới 2 năm	60.271.274	2.975.267
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	91.241.703	170.065.012
<b>Cộng</b>	<b>1.471.898.878</b>	<b>1.533.705.925</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Nợ xấu**

	30/06/2020			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Ghi chú
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>4.865.192.819</b>	<b>3.983.275.668</b>	Trên 3 năm	
- Anh Sơn - Kỳ Trinh - Kỳ Anh	36.366.008	-		Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Tâm Thông - Kỳ Anh	551.044.763	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Các đối tượng khác	4.277.782.048	3.983.275.668	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>574.495.031</b>	-		
- Phải thu cá nhân vay mua cổ phiếu (gốc + lãi)	574.495.031	-	Trên 3 năm	CBCNV đã nghỉ việc
<b>Phải thu khác</b>	<b>15.486.696</b>	-		
- Công ty TNHH Công nghiệp HBE	9.000.078	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Các đối tượng khác	6.486.618	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
<b>Cộng</b>	<b><u>5.455.174.546</u></b>	<b><u>3.983.275.668</u></b>		

	01/01/2020			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Ghi chú
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>2.145.594.323</b>	<b>1.232.370.125</b>		
- Anh Sơn - Kỳ Trinh - Kỳ Anh	36.366.008	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Tâm Thông - Kỳ Anh	551.044.763	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Các đối tượng khác	1.558.183.552	1.232.370.125	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>604.995.031</b>	-		
- Phải thu cá nhân vay mua cổ phiếu (gốc + lãi)	604.995.031	-	Trên 3 năm	CBCNV đã nghỉ việc
<b>Phải thu khác</b>	<b>15.486.696</b>	-		
- Công ty TNHH Công nghiệp HBE	9.000.078	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Các đối tượng khác	6.486.618	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
<b>Cộng</b>	<b><u>2.766.076.050</u></b>	<b><u>1.232.370.125</u></b>		

Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào giá gốc của khoản phải thu trừ đi mức dự phòng cần trích lập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. Hàng tồn kho**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.873.949	-	12.568.353	-
Hàng hóa	12.785.754.386	(264.289.546)	3.355.144.565	(379.290.972)
<b>Cộng</b>	<b>12.797.628.335</b>	<b>(264.289.546)</b>	<b>3.367.712.918</b>	<b>(379.290.972)</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2020 là 368.987.994 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch bán giảm giá và thanh lý đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2020.

**12. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí thuê đất	74.367.700	-
<b>Cộng</b>	<b>74.367.700</b>	<b>-</b>

**b. Dài hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	511.613.094	562.528.492
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng (*)	162.097.123	164.307.539
Chi phí sửa chữa nhà kho, nhà sách, mầm non	489.555.023	128.185.962
<b>Cộng</b>	<b>1.163.265.240</b>	<b>855.021.993</b>

(\*) Là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của 2.677,1 m<sup>2</sup> đất tại Phường Thạch Quý, Thành phố Hà Tĩnh. Đây là thửa đất thuê của Nhà nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB450981 ngày 02/07/2011 của Sở Tài nguyên Tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian thuê đất đến 01/03/2056, tiền thuê đất trả hàng năm. Hiện nay, mảnh đất này đang được sử dụng để xây dựng nhà kho.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	19.128.905.607	2.341.769.445	70.000.000	21.540.675.052
Mua sắm trong kỳ	-	368.849.091	-	368.849.091
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.128.905.607</b>	<b>2.710.618.536</b>	<b>70.000.000</b>	<b>21.909.524.143</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	7.371.551.435	860.539.443	52.499.999	8.284.590.877
Khấu hao trong kỳ	430.039.659	181.927.500	5.833.333	617.800.492
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.801.591.094</b>	<b>1.042.466.943</b>	<b>58.333.332</b>	<b>8.902.391.369</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	11.757.354.172	1.481.230.002	17.500.001	13.256.084.175
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.327.314.513</b>	<b>1.668.151.593</b>	<b>11.666.668</b>	<b>13.007.132.774</b>

- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2020.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2020 là 925.222.282 đồng.
- Không có các cam kết về việc mua lại các tài sản cố định có giá trị lớn trong tương lai.

### 14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	715.204.000	32.000.000	747.204.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>715.204.000</b>	<b>32.000.000</b>	<b>747.204.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	-	32.000.000	32.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>32.000.000</b>	<b>32.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	715.204.000	-	715.204.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>715.204.000</b>	<b>-</b>	<b>715.204.000</b>

(\*) Là quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 172,8 m<sup>2</sup> tại 58 Phan Đình Phùng, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG481394 ngày 13/05/2013 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh. Hiện nay, mảnh đất này được sử dụng làm trụ sở văn phòng công ty và cửa hàng sách.

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2020.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2020 là 32.000.000 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2020	01/01/2020
Sửa chữa Trường mầm non Hoa Sen	503.614.700	-
<b>Cộng</b>	<b>503.614.700</b>	<b>-</b>

### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	3.536.581.000	72.415.600
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.055.788.937	31.454.087
Các đối tượng khác	2.356.258.860	929.927.425
<b>Cộng</b>	<b>6.948.628.797</b>	<b>1.033.797.112</b>

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Phải trả đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	37.834.767	88.698.189	114.845.654	11.687.302
Thuế thu nhập doanh nghiệp	454.140.695	-	454.140.695	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	15.928.012	8.759.801	7.168.211
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	19.887.585	152.526.855	19.887.585	152.526.855
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí và lệ phí	3.669.474	6.153.536	9.823.010	-
<b>Cộng</b>	<b>515.532.521</b>	<b>261.153.056</b>	<b>601.633.735</b>	<b>171.382.368</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Lãi vay phải trả	28.426.000	24.875.000
Chi phí phải trả khác	-	173.780.000
<b>Cộng</b>	<b>28.426.000</b>	<b>198.655.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2020	01/01/2020
Tài sản thừa chờ giải quyết	5.368.680	-
Kinh phí công đoàn	63.467.379	65.628.846
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	121.523.212	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	245.000.000	245.000.000
Phải trả khác	220.217.099	45.737.963
<b>Cộng</b>	<b>655.576.370</b>	<b>356.366.809</b>

**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	2.770.000.000	-	2.770.000.000
- Chi nhánh Hà Tĩnh	-	-	-	-
Vay cá nhân (*)	290.000.000	-	-	290.000.000
Sở Tài chính (**)	550.000.000	-	-	550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>840.000.000</b>	<b>2.770.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.610.000.000</b>

(\*) Là các khoản vay cán bộ công nhân viên theo các thỏa thuận hỗ trợ vốn; Theo đó, đến khi nào Công ty làm thủ tục tăng vốn thì số tiền này sẽ chuyển thành tiền mua cổ phần hoặc sẽ có thỏa thuận khác, nếu cá nhân nghỉ việc, chuyển việc thì Công ty sẽ hoàn trả lại tiền; Lãi suất: Bằng với tỷ lệ cổ tức Công ty chi trả cho các cổ đông hằng năm.

(\*\*) Phải trả Sở Tài chính Hà Tĩnh phát sinh từ 2 hợp đồng vay vốn giữa Công ty và Sở Tài chính Hà Tĩnh, cụ thể:

- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 03/02/2005, số tiền vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 năm bắt đầu từ ngày 03/02/2005 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Xây dựng đề án ứng dụng công nghệ thông tin.
- Hợp đồng vay vốn trung dài hạn ngày 05/06/2006, số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm bắt đầu từ ngày 05/06/2006 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Đầu tư dự án xây dựng kho và xưởng sản xuất thiết bị giáo dục – đồ chơi trẻ em.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**21. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	22.310.580.000	637.870.381	722.538.246	1.602.030.260	25.273.018.887
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.897.905.441	1.897.905.441
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.602.030.260	1.602.030.260
Số dư tại 31/12/2019	22.310.580.000	637.870.381	722.538.246	1.897.905.441	25.568.894.068
Số dư tại 01/01/2020	22.310.580.000	637.870.381	722.538.246	1.897.905.441	25.568.894.068
Tăng trong kỳ	-	-	1.897.905.441	(291.131.493)	1.606.773.948
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.897.905.441	1.897.905.441
Số dư tại 30/06/2020	22.310.580.000	637.870.381	2.620.443.687	(291.131.493)	25.277.762.575

**b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	22.310.580.000	22.310.580.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	22.310.580.000	22.310.580.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	1.561.740.600

**c. Cổ phiếu**

	30/06/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.231.058	2.231.058
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu phổ thông	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu phổ thông	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.897.905.441	1.602.030.260
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(291.131.493)	838.030.732
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	1.897.905.441	1.602.030.260
- Trích quỹ đầu tư phát triển	1.897.905.441	-
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	40.289.660
- Trả cổ tức bằng tiền	-	1.561.740.600
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>(291.131.493)</b>	<b>838.030.732</b>

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 26/06/2020.

### 22. Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Trường tiểu học Bắc thị trấn Kỳ Anh	6.503.952	Nợ không thu hồi được
Phòng Giáo dục Cẩm Xuyên (Anh Chí)	9.250.000	Nợ không thu hồi được
Công ty Cổ phần Thương mại Hồng Hà	10.100.000	Nợ không thu hồi được
Nợ khó đòi đã xử lý khác	130.756.222	Nợ không thu hồi được
<b>Cộng</b>	<b>156.610.174</b>	

### 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	7.763.467.761	12.589.664.930
Doanh thu thiết bị giáo dục	203.267.858	489.257.118
Doanh thu văn phòng phẩm	1.417.373.315	1.652.432.872
Doanh thu giáo dục mầm non	2.037.955.000	4.397.406.000
Doanh thu thương mại, dịch vụ khác	1.176.784.758	1.353.542.844
<b>Cộng</b>	<b>12.598.848.692</b>	<b>20.482.303.764</b>

### 24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Hàng bán bị trả lại	3.432.173	21.411.730
<b>Cộng</b>	<b>3.432.173</b>	<b>21.411.730</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 25. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	7.103.503.401	11.254.901.098
Giá vốn thiết bị giáo dục	143.506.707	381.698.151
Giá vốn văn phòng phẩm	977.196.504	1.139.730.496
Giá vốn dịch vụ giáo dục mầm non	2.631.737.872	3.886.076.044
Giá vốn hàng hóa thương mại khác	907.179.861	1.003.832.507
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(115.001.426)	(131.693.126)
<b>Cộng</b>	<b>11.648.122.919</b>	<b>17.534.545.170</b>

### 26. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	192.931.300	240.907.074
Chiết khấu thanh toán	70.192.280	104.001.502
<b>Cộng</b>	<b>263.123.580</b>	<b>344.908.576</b>

### 27. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí lãi vay	3.551.000	12.750.000
<b>Cộng</b>	<b>3.551.000</b>	<b>12.750.000</b>

### 28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí nhân công	554.319.212	882.735.050
Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ công cụ dụng cụ	164.559.733	146.025.307
Các khoản khác	156.077.424	284.900.892
<b>Cộng</b>	<b>874.956.369</b>	<b>1.313.661.249</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí nhân công	370.087.714	623.369.421
Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ công cụ dụng cụ	87.380.650	117.608.849
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(61.807.047)	(71.593.537)
Các khoản khác	227.458.607	337.408.188
<b>Cộng</b>	<b>623.119.924</b>	<b>1.006.792.921</b>

### 29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(291.131.493)	990.136.224
- Thu nhập từ dự án "Trường mầm non Hoa Sen"	(593.782.872)	511.329.956
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	302.651.379	478.806.268
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	-	26.056.217
Tổng thu nhập chịu thuế	(291.131.493)	1.016.192.441
- Thu nhập từ dự án "Trường mầm non Hoa Sen"	(593.782.872)	511.329.956
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	302.651.379	504.862.485
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	152.105.492
- Từ dự án " Trường mầm non Hoa Sen"	-	51.132.996
- Từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	100.972.496
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>152.105.492</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	-	152.105.492
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

### 30. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(291.131.493)	838.030.732
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(291.131.493)	838.030.732
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.231.058	2.231.058
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(130)</b>	<b>376</b>

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Đại hội cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích lập các quỹ cụ thể. Hằng năm, căn cứ vào KQKD đã đạt được của năm, Ban điều hành sẽ đề xuất và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	469.689.464	922.517.458
Chi phí nhân công	2.029.198.994	3.276.015.933
Chi phí khấu hao tài sản cố định	617.800.492	520.504.876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	766.407.137	1.124.467.772
Chi phí khác bằng tiền	373.162.767	499.255.354
<b>Cộng</b>	<b>4.256.258.854</b>	<b>6.342.761.393</b>

### 32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận phân biệt theo từng lĩnh vực kinh doanh:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	Bộ phận kinh doanh thương mại		Trường mầm non Hoa Sen		Các hoạt động dùng chung		Tổng cộng	
	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Doanh thu bộ phận	10.510.761.519	15.999.376.942	2.084.655.000	4.461.515.092	-	-	12.595.416.519	20.460.892.034
Giá vốn bán hàng	8.951.747.405	13.583.831.484	2.696.375.514	3.950.713.686	-	-	11.648.122.919	17.534.545.170
Chi phí bán hàng	874.956.369	1.313.661.249	-	-	-	-	874.956.369	1.313.661.249
Chi phí quản lý doanh nghiệp	623.119.924	1.006.792.921	-	-	-	-	623.119.924	1.006.792.921
<b>Lãi (lỗ) hoạt động kinh doanh</b>	<b>60.937.821</b>	<b>95.091.288</b>	<b>(611.720.514)</b>	<b>510.801.406</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(550.782.693)</b>	<b>605.892.694</b>
Doanh thu tài chính	-	-	-	-	263.123.580	344.908.576	263.123.580	344.908.576
Chi phí tài chính	-	-	-	-	3.551.000	12.750.000	3.551.000	12.750.000
<b>Lãi (lỗ) hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>259.572.580</b>	<b>332.158.576</b>	<b>259.572.580</b>	<b>332.158.576</b>
Thu nhập khác	79.636	15.746.376	-	36.363.636	-	-	79.636	52.110.012
Chi phí khác	1.016	25.058	-	-	-	-	1.016	25.058
<b>Lãi (lỗ) hoạt động khác</b>	<b>78.620</b>	<b>15.721.318</b>	<b>-</b>	<b>36.363.636</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>78.620</b>	<b>52.084.954</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>61.016.441</b>	<b>110.812.606</b>	<b>(611.720.514)</b>	<b>547.165.042</b>	<b>259.572.580</b>	<b>332.158.576</b>	<b>(291.131.493)</b>	<b>990.136.224</b>
	<b>30/06/2020</b>	<b>30/06/2019</b>	<b>30/06/2020</b>	<b>30/06/2019</b>	<b>30/06/2020</b>	<b>30/06/2019</b>	<b>30/06/2020</b>	<b>30/06/2019</b>
Tài sản ngắn hạn	21.762.484.956	21.858.157.315	64.182.435	222.007.542	-	-	21.826.667.391	22.080.164.857
Tài sản dài hạn	3.871.727.216	3.742.540.867	11.517.489.498	11.070.385.334	-	-	15.389.216.714	14.812.926.201
<b>Tổng tài sản</b>	<b>25.634.212.172</b>	<b>25.600.698.182</b>	<b>11.581.671.933</b>	<b>11.292.392.876</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>37.215.884.105</b>	<b>36.893.091.058</b>
- Nợ ngắn hạn	11.340.863.830	11.669.414.523	597.257.700	714.657.176	-	-	11.938.121.530	12.384.071.699
- Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ</b>	<b>11.340.863.830</b>	<b>11.669.414.523</b>	<b>597.257.700</b>	<b>714.657.176</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.938.121.530</b>	<b>12.384.071.699</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 33. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng chủ yếu từ các Công ty thuộc hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Trong đó mặt hàng chủ yếu là sách giáo khoa và sách tham khảo; do đó chịu sự rủi ro từ việc thay đổi tỷ lệ chiết khấu trên giá bia. Chính sách chiết khấu sẽ thay đổi theo thời hạn thanh toán, theo phương thức mua trả tiền mặt hay mua nợ. Để có được tỷ lệ chiết khấu cao, Công ty có chính sách thu hồi công nợ và huy động nguồn vốn vay để tối đa hóa lợi ích từ chiết khấu được hưởng.

Đối với lĩnh vực đào tạo mầm non, chi phí chính là chi phí nhân công, các chi phí nguyên liệu thực phẩm, nhiên liệu; nếu có biến động lớn thì giá dịch vụ suất ăn và đưa đón cũng biến động theo nên Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty hầu như không chịu rủi ro về giá.

#### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có một số khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác tồn đọng nhiều năm. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng, hiện nay, Công ty đang có rủi ro tín dụng. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng thì các khoản nợ khó đòi đều được Công ty theo dõi, có biện pháp thu hồi cụ thể và lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành. Đối với lĩnh vực đào tạo mầm non, Ban Tổng giám đốc đánh giá rằng, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì học phí phải thu giá trị không lớn, phân bổ cho nhiều khách hàng và đều thu được tiền ngay.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND			
<u>30/06/2020</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	6.948.628.797	-	6.948.628.797
Chi phí phải trả	28.426.000	-	28.426.000
Vay và nợ thuê tài chính	3.610.000.000	-	3.610.000.000
Phải trả khác	465.217.099	-	465.217.099
<b>Cộng</b>	<b>11.052.271.896</b>	<b>-</b>	<b>11.052.271.896</b>
<u>01/01/2020</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	1.033.797.112	-	1.033.797.112
Chi phí phải trả	198.655.000	-	198.655.000
Vay và nợ thuê tài chính	840.000.000	-	840.000.000
Phải trả khác	290.737.963	-	290.737.963
<b>Cộng</b>	<b>2.363.190.075</b>	<b>-</b>	<b>2.363.190.075</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>30/06/2020</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.336.365.802	-	4.336.365.802
Phải thu khách hàng	4.452.545.077	-	4.452.545.077
Phải thu khác	113.946.009	-	113.946.009
<b>Cộng</b>	<b>8.902.856.888</b>	<b>-</b>	<b>8.902.856.888</b>
<u>01/01/2020</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.137.106.190	-	8.137.106.190
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	1.240.310.640	-	1.240.310.640
Phải thu khác	128.408.185	-	128.408.185
<b>Cộng</b>	<b>11.505.825.015</b>	<b>-</b>	<b>11.505.825.015</b>

**34. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	239.634.200	295.626.634
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	52.112.433



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### 36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 08 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Hồ Thị Hà